TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 7 - 2017
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thạch Thuône**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Thạch Kim Hạnh**
2. Bà **Trần Thị Tím**

Thư ký phiên tòa: Bà **Kim Thị Bô Na**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Kim Sum**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2017/TLST- HNGĐ, ngày 21/3/2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Ng**, sinh năm 1989 (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Dương Văn Th,** sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2017 của nguyên đơn bà Lê Thị Ng trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, do quen biết nên bà và ông Dương Văn Th tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Cú,

huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật vào ngày 24/7/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với cha mẹ chồng tại khóm 6, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc. Đến năm 2014, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông Th sống không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và từ đó đã sống ly thân với nhau đến nay. Quá trình ly thân, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn Th.

Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Dương Hoàng Ph, sinh ngày 08/6/2009, do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Ng xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 1.000.000 đồng/tháng giảm xuống 650.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ng khai rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Văn Th đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ hai lần để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Th vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo biên bản xác minh ngày 05/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú về tình trạng hôn nhân, con chung của ông Th và bà Ng thì được đại diện chính quyền địa phương cho biết hiện tại vợ chồng bà Ng và ông Th đã ly thân với nhau, bà Ng và ông Th có một người con chung hiện đang chung sống với bà Ng.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Th và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Hoàng Ph, sinh ngày 08/6/2009; về phần cấp dưỡng nuôi con bà Ng xin rút lại toàn bộ, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Dương Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: Về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự; về thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; về tư cách pháp lý và mối

quan hệ giữa những người tham gia tố tụng Tòa án xác định đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; về việc thu thập chứng cứ Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 97, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự; về thủ tục gởi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự đảm bảo theo quy định tại các Điều 196, 208 và Điều 220 Bộ luật tố tung dân sự; về thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải diễn ra đúng theo trình tự thủ tục, nội dung quy định từ Điều 205 đến Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn đã không chấp hành đúng nghĩa vụ của của mình được quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, thời gian ly thân đã lâu, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không kết quả, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, được tiếp tục nuôi dưỡng con và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con 650.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu tiền cấp dưỡng, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn bà Lê Thị Ng được ly hôn với ông Dương Văn Th, giao con chung tên Dương Hoàng Ph cho bà Lê Thị Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Đương sự nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Ng yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Dương Văn Th và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Hoàng Ph, nên đây là vụ kiện "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Dương Văn Th có địa chỉ tại khóm S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

[2] Bị đơn ông Dương Văn Th đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ hai lần vào ngày 04/4/2017 và ngày 04/5/2017 để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và triệu tập xét xử vào ngày 27/6/2017 nhưng trong các lần triệu tập ông Th đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Tại phiên tòa ông Th vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Lê Thị Ng với ông Dương Văn Th tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trà Cú đúng quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông Th là hợp pháp. Sau khi kết hôn bà Ng và ông Th cùng sống chung với cha mẹ của ông Th tại khóm S thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh có hạnh phúc đến năm 2014 thì giữa ông Th và bà Ng xảy ra mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau do ông Th quen với người phụ nữ khác, sống không chung thủy với bà Ng. Từ đó, ông Th và bà Ng đã sống ly thân với nhau đến nay. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Th và bà Ng nhiều lần để tiến hành hòa giải để ông Th và bà ngộ đoàn tụ nhưng ông Th đều vắng mặt không có lý do. Điều này, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà Ng bà ông Th đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, việc bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông Th là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống giữa bà Lê Thị Ng với ông Dương Văn Th có 01 người con chung tên Dương Hoàng Ph, sinh ngày 08/6/2009, kể từ ngày bà Ng và ông Th ly thân thì bà Ng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph, xét thấy về điều kiện nuôi dưỡng con chung của bà Ng là đảm bảo, quá trình cháu Ph sinh sống với bà Ng về thể chất và tinh thần phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Do đó, việc bà Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Hoàng Ph là cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đây cũng là nguyện vọng của cháu Ph.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Ng đã tự nguyện rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyên của bà Ng nên căn

cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu mà bà Ng đã rút.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ng xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ng.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ng được ly hôn với ông Dương Văn Th.

- Về con chung: Giao cháu Dương Hoàng Ph, sinh ngày 08/6/2009 cho bà Lê Thị Ng được tiếp tục nuôi dưỡng (đây cũng là nguyện vọng của cháu Ph). Ông Dương Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Th không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, đồng thời ông Th phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bà Ng. Vì lợi ích của con thì một trong hai bên còn quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu của bà Lê Thị Ng về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Ng phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005782, ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông Dương Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã, thị trấn nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Thuône